TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG ẢNG** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2023/HNGD-ST Ngày 13 tháng 01 năm 2023 "V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Bà **Nguyễn Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Lò Văn Ngắm**

2. Bà: **Nguyễn Thuý Hà**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Trí Giáp – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lò Thị C**, sinh năm 1987

Nơi ĐKHKTT: Bản CP, xã MĐ, huyện MA, Điện Biên.

Nơi cư trú: Bản , xã ML, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

(Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hà Thị T – Trợ giúp viên pháp lý, công tác tại Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên.

(Có mặt)

Bị đơn: Anh **Lò Văn T**, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Bản CP, xã MĐ, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

(Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 05/10/2022; tại bản tự khai ngày 17/10/2022 nguyên đơn chị Lò Thị C trình bày:

* **Về hôn nhân**: Chị C và anh T có đăng kí kết hôn tại UBND xã MĐ, huyện MA, tỉnh Điện Biên vào ngày 09/8/2012. Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm

hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Sau khi cưới chị và anh T chuyển về sinh sống tại bản CP, xã MĐ, huyện MA, tỉnh Điện Biên, hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, anh T không tu trí làm ăn. Mâu thuẫn giữa chị và anh T đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không thành, mẫu thuẫn giữa chị và anh T ngày càng nghiêm trọng. Từ năm 2020 đến nay chị và anh T sống ly thân, chị chuyển về sống cùng bố mẹ đẻ tại bản B, xã ML, huyện MA, tỉnh Điện Biên. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng giải quyết giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn T.

*** Về con chung**: Trong quá trình chung sống chị và anh T có 02 người con chung là cháu Lò Thị Đ, sinh ngày 25/5/2012 và cháu Lò Văn Q, sinh ngày 07/8/2013. Nguyện vọng của chị sau khi ly hôn là chị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ và cháu Q cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

*** Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về**: Chị và anh T không có.

*** Bị đơn:** Anh Lò Văn T mặc dù được Tòa án triệu tập nhiều lần và đúng quy định của pháp luật nhưng anh T vẫn vắng mặt.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:** Tòa án đã tiến hành xác minh nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Lò Văn T; xác minh nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn của Chị C và anh T và xác minh điều kiện kinh tế của chị Lò Thị C.

Trong quá trình thụ lý giải quyết Chị C có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày**: Yêu cầu của chị C là có căn cứ và hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C cụ thể như sau:

Thứ nhất về hôn nhân: Chị C và anh Lò Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã ML, huyện MA, tỉnh Điện Biên vào ngày 09/8/2012 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Sau khi cưới chị và anh T chuyển về sinh sống tại bản CP, xã MĐ, huyện MA, tỉnh Điện Biên, hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, anh T không tu trí làm ăn. Mâu thuẫn giữa chị và anh T đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không thành, mẫu thuẫn giữa chị và anh T ngày càng nghiêm trọng. Từ năm 2020 đến nay chị và anh T sống ly thân, chị chuyển về sống cùng bố mẹ đẻ tại bản B, xã ML, huyện MA, tỉnh Điện Biên. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân hôn

nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Cvà tuyên bố chị Chung được ly hôn anh T.

Thứ hai về con chung: Chị C và anh T có 02 người con chung là cháu cháu Lò Thị Đ, sinh ngày 25/5/2012 và cháu Lò Văn Q, sinh ngày 07/8/2013. Nguyện vọng của chị C sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 cháu (Đ + Q) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị C về việc giao nuôi con chung cũng như vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Thứ ba: Trong quá trình chung sống chị C và anh T không có tài sản chung; nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: không có.

Về án phí: Chị C là người dân tộc thiểu số và có đơn xin miễn án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị C.

*** Quan điểm của đại diện VKSND huyện Mường Ảng:** Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tống đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

- **Về hôn nhân**: Tuyên bố chị Lò Thị C được ly hôn anh Lò Văn T.

- **Con chung**: Giao cháu cháu Lò Thị Đ, sinh ngày 25/5/2012 và cháu Lò Văn Q, sinh ngày 07/8/2013 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về:** Không có.

- **Án phí**: Chị C là người dân tộc thiểu số và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án nên miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện VKSND huyện Mường Ảng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 11/10/2022, Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án và tống đạt cho bị đơn là anh Lò Văn T, anh T vắng nhà, Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Hết thời hạn 15 ngày Bị đơn không có ý kiến gì.

Tòa án ra thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã tiến hành tống đạt theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không có mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Ngày 14/11/2022 chị Lò Thị C có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được lần 2.

Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tống đạt hợp lệ Quyết định theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 23/12/2022, Nguyên đơn là chị Lò Thị Ccó mặt, bị đơn là anh Lò Văn T vắng mặt không có lý do lần thứ nhất, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử lại vào ngày 13/01/2023.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn là chị Lò Thị C có mặt; Bị đơn là anh Lò Văn T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T.

[2] Nội dung vụ án:

*** Về hôn nhân**: Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 05/10/2022; tại bản tự khai ngày 17/10/2022 của nguyên đơn là chị Lò Thị C và lời trình bày của chị Lò Thị C tại phiên tòa và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị C và anh T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/8/2012 tại UBND xã MĐ, huyện MA, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình chung sống Chị Chung và anh T chung sống đầm ấm, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh rất nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, sau đó Chị C phát hiện anh T nghiện chất ma túy, không tu trí làm ăn. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải, khuyên can nhiều lần nhưng cuộc sống chung của vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng, Chị C và anh T đã sống ly thân. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa Chị C và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 51 và khoản 1 điều 56

Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị C. Tuyên xử cho chị Lò Thị C được ly hôn với anh Lò Văn T.

**** Về con chung***: Chị Lò Thị C và anh Lò Văn T có 02 người con chung là cháu Lò Thị Đ, sinh ngày 25/5/2012 và cháu Lò Văn Q, sinh ngày 07/8/2013.

Chị C có nguyện vọng sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu Đ và Q đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay các cháu Lò Thị Đ và Lò Văn Q đang sinh sống ổn định và được chăm sóc, học tập tốt nên để không gây xáo trộn về tâm lý đồng thời đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt của các cháu, cần tiếp tục giao cháu cho Chị C trực tiếp chăm nom, chăm sóc, giáo dục các cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của Chị C về việc giao nuôi con chung cũng như vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

**** Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về***: Không có, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[3] Về án phí: Chị C là người dân tộc thiểu số và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Hội đồng xét xử miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị C.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị C: Chị Lò Thị C được ly hôn anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Thị Đ, sinh ngày 25/5/2012 và cháu Lò Văn Q, sinh ngày 07/8/2013 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Nghĩa vụ về cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên

hiệp phụ nữ thì Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị C.

5. Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Chị Lò Thị C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tuyên án; anh Lò Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người vắng mặt.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã MĐ;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích cho đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Vân